| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số:19/2021/HNPT
Ngày: 28- 6-2021
V/v: "*Chia tài sản chung sau ly hôn và cấp dưỡng"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Cẩm Thúy
- *Các Thẩm phán:* Bà: Huỳnh Thị Bích Vân
Bà: Lê Thị Minh Trang
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Anh

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLPT- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp: "Chia tài sản chung sau khi ly hôn và cấp dưỡng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/HN ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Đăng H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Phương T.

Địa chỉ: Xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày và yêu cầu: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ L là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2017, khi giải quyết ly hôn chưa giải quyết về tài sản chung, nên nay ông yêu chia tài sản chung gồm các tài sản như sau:

Nhà và đất tọa lạc tại số 225/12/5B đường 30/4, phường Hưng lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Yêu cầu chia đôi theo giá đã định, nếu bà L nhận nhà và đất thì sẻ thối hoàn giá trị lại cho ông hoặc ngược lại.

Xe Airblade biển số 65L1-5316 trị giá khoảng 10.000.000đồng.

Xe Honda nhãn hiệu SH mode biển số 65B1-68213 trị giá khoảng 45.000.000đồng.

Ông xác định là ông và bà L không có nợ chung và nợ đã được giải quyết xong từ trước.

Riêng về phần cấp dưỡng nuôi hai con thì do ông đang không có việc làm ổn định nên ông chỉ có khả năng cấp dưỡng mỗi con 1.000.000đồng/tháng và cấp dưỡng hàng tháng.

Trong quá trình giải quyết ông T rút lại yêu cầu về chia tài sản chung là hai chiếc xe honda.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn phản tố trình bày và yêu cầu:

Nhà và đất tọa lạc tại số 225/12/5B đường 30/4, phường Hưng lợi, quận Ninh Kiều – thành phố Cần Thơ, là căn nhà duy nhất để mẹ con sinh sống nên bà không đồng ý chia theo yêu cầu của ông T, vì bà không có khả năng thanh toán lại cho ông T, nếu ông T về ở trong căn nhà này để nuôi hai con đến trưởng thành đủ 18 tuổi thì bà đồng ý cho ông T vào ở.

Bà yêu cầu ông T phải trả lại cho bà số tiền 100.000.000đồng là tiền trước đây bà đưa cho ông T 260 triệu (bao gồm 60 triệu của ba ruột ông T và 200 triệu là tiền chung của ông bà) do là vợ chồng nên khi đưa tiền cho ông T không có lập thành văn bản.

Ngoài ra trong quá trình ly hôn do không có tiền lo cho con ăn học nên bà có mượn của em ruột bà là Nguyễn Thị Phương T số tiền 50.000.000đồng. Nên nay ông T phải có trách nhiệm về số nợ này.

Về cấp dưỡng nuôi con bà yêu cầu ông T nuôi hai con mỗi con 2.000.000đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ khi bản án ly hôn của ông bà có hiệu lực pháp luật; và bà yêu cầu cấp dưỡng một lần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương T trình bày: bà yêu cầu ông T phải trả lại cho bà số tiền 50.000.000đồng, do bà L vay của bà

để nuôi hai con chung của ông và bà L trong thời gian ông bỏ nhà đi; thời điểm bà L mượn tiền là từ tháng 9/2015 đến tháng 7/2017. Bà xin được vắng mặt khi Tòa xét xử.

Tại bản án số 08/2021/HN-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã xét xử và Quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T.

Về chia tài sản chung: bà L được nhận nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 225/12/5B đường 30/4, phường Hưng lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP306176 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 11/9/2013). Bà L phải thanh toán phần giá trị chênh lệch cho ông T số tiền 997.973.500đồng. Sau khi Bà L thanh toán phần giá trị chênh lệch cho ông T số tiền 997.973.500đồng, bà L được quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc chia tài sản chung là  hai xe mô tô hiệu honda, loại Airblade biển số 65L1-5316 và xe Honda nhãn hiệu SH mode biển số 65B1-68213.

Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Nguyễn Minh K sinh ngày 06/9/2012 và cháu Nguyễn Thị Mỹ N sinh ngày 06/12/2008 mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng là hàng tháng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L về việc buộc ông T trả số tiền 150.000.000đồng.

Về chi phí tố tụng: Ông T chịu 2.500.000đồng, bà L chịu 2.500.000đồng ( Ông T đã nộp tạm ứng 5.000.000đồng, nên bà L có nghĩa vụ trả lại cho ông T số tiền 2.500.000đồng)

Về án phí: ông T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đồng và án phí chia tài sản chung là 41.939.205đồng, khấu trừ vào tiền án phí đã nộp là 9.562.500đồng, ông T phải nộp thêm số tiền 32.676.705đồng án phí. Bà L phải án phí chia tài sản chung là 41.939.205đồng và án phí phản tố không được chấp nhận là 7.500.000đồng, khấu trừ vào tiền án phí đã nộp là 4.050.000đồng, bà L phải nộp thêm số tiền 45.389.203đồng án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền – thời hạn kháng cáo và Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại trách nhiệm của ông T đối

với hai con từ tháng 8/2015 đên nay, và mức cấp dưỡng nhơ án sơ thẩm là quá thấp so với chi phí cho một đứa trẻ. Bà yêu cầu xem xét lại quyền thừa kế của hai con trong vụ án này, và hiện tại ba mẹ con bà chỉ có căn nhà để ở, nếu bán để chia tài sản cho ông T thì ba mẹ con bà không có chỗ ở. Nên bà yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: Đất và nhà tọa lạc tại địa chỉ số 225/12/5B đường 30/4, phường Hưng lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ là do cha ruột của bà tên Nguyễn Văn S nhờ vợ chồng bà đứng tên dùm; nên không phải là tài sản chung của bà và ông T trong thời kỳ hôn nhân. Bà sẽ cung cấp hợp đồng mua bán nhà và giấy chuyển tiền, cha bà sẽ có đơn yêu cầu độc lập riêng. Do vậy bà không đồng ý chia tài sản cho cho ông T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ L kết hôn vào năm 2006 chung sống đến năm 2017 thì ly hôn; khi ly hôn chưa giải quyết về tài sản chung và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung của ông bà. Nên nay ông T có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Phía bà L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố buộc ông T phải có nghĩa vụ trả số nợ mà bà đã vay mượn để nuôi con khi ông T bỏ nhà ra đi, cùng với số tiền mà bà đưa cho ông T, đồng thời ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử theo quan hệ pháp luật "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn và cấp dưỡng" là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

Sau khi án sơ thẩm xử xong nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không có đơn kháng cáo. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L không đồng ý với bản án sơ thẩm và có đơn kháng cáo; tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trong đơn đã nêu và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thực hiện pháp luật Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và

thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo:

Đối với yêu cầu của bà L về trách nhiệm của ông T về số nợ mà bà đã nợ để nuôi con thì nhận thấy: Số nợ này xuất phát khi ông T và bà L đã ly hôn, biên nhận nợ do bà L cung cấp không có chữ ký của ông T. Do vậy không có cơ sở để buộc trách nhiệm của ông T trong số nợ này. Xét về thời gian cấp dưỡng nuôi con bà L yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con từ tháng 8 năm 2015 đến nay là chưa có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ theo bản án ly hôn đã có hiệu lực pháp luật thì bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên thời điểm cấp dưỡng nuôi con của ông T được tính từ ngày xét xử sơ thẩm, không thể tính theo yêu cầu của bà L. Xét về mức cấp dưỡng như án sơ thẩm đã tuyên bà L cho rằng quá thấp, nhưng bà cũng không chứng minh được mức thu nhập hiện tại của ông T như thế nào, ông T cũng không đồng ý tăng mức cấp dưỡng thêm, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà L. Đối với yêu cầu xem xét phần thừa kế của hai con chung của ông bà đối với căn nhà và đất đang tranh chấp là không đúng theo quy định nên không đặt ra xem xét.

Xét kháng cáo bổ sung của bà L về nhà đất đang tranh chấp là của cha ruột bà, vợ chồng bà chỉ là người ở nhờ: Nhận thấy bà L xuất trình hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15.5.2013 của cha ruột bà nhưng cũng chính bà đã khai là ngày 09/8/2013 vợ chồng bà làm lại hợp đồng chuyển nhượng với chủ cũ, hợp đồng ngày 15.5.2013 đã được hủy bỏ. Do vậy, chứng cứ này không còn phù hợp nữa, không có căn cứ để chấp nhận.

Viện kiểm sát đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bà L. Giữ y bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu kháng cáo ngày 21.02.2021 của bà L về trách nhiệm nuôi con của nguyên đơn từ tháng 8/2015 đến nay thì nhận thấy: Việc nuôi con là nghĩa vụ của cha và mẹ, vào thời điểm bà L xin ly hôn vào năm 2017 thì bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, bản án này đã có hiệu lực pháp luật, nay bà L yêu cầu ông T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con trong khoảng thời gian này là chưa có cơ sở để chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được pháp luật quy định theo từng thời điểm và luôn tôn trọng sự thỏa thuận của đương sự, khi ly hôn bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nay các đương sự có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày xét xử

sơ thẩm. Do vậy yêu cầu kháng cáo của bà L về thời điểm cấp dưỡng nuôi con từ tháng 8 năm 2015 đến nay và ông T không đồng ý, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này.

Đối với yêu cầu tăng mức cấp dưỡng vì theo bà L mức cấp dưỡng như án sơ thẩm đã tuyên là quá thấp so với chi phí của một đứa trẻ thì nhận thấy: Tại phiên tòa hôm nay bà L không chứng minh được mức thu nhập và điều kiện kinh tế của ông T như thế nào để tăng mức cấp dưỡng. Phía ông T thì cho rằng hiện tại ông không có thu nhập ổn định, công việc làm thì thường bị gián đoạn, nên ông chỉ có khả năng cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho 02 con chung. Mặc khác, tại phiên tòa hai bên khai thống nhất nhau là từ trước đến nay cháu Nguyễn Minh K do gia đình ông bà nội và cô (cha mẹ và chị ruột của ông T) trực tiếp nuôi dưỡng, mặc dù án sơ thẩm tuyên giao 02 con cho bà L nhưng cháu Khôi vẫn ở với ông bà nội không xảy ra tranh chấp gì. Xét mức cấp dưỡng như án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với thu nhập của ông T, do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà L. Xét về số nợ đối với bà T thì bà L cho rằng trong thời gian ly hôn một mình bà phải nuôi 02 con nên bà đã nợ bà T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để nuôi 02 con, bà L cung cấp biên nhận nợ giữa bà và bà T. Ông T không thừa nhận số nợ này, ông cho rằng khi ông ra đi bà L và 02 con ở tại căn nhà và có 04 phòng trọ cho thuê, con thì 01 đứa ở với nội, nên không đến mức độ bà L phải vay mượn để nuôi con. Nhận thấy biên nhận nợ được lập giữa bà L và bà T không có sự thừa nhận của ông T, chính bà L cũng xác nhận vào thời điểm bà lập biên nhận nợ với bà T thì ổng Thảnh đã bỏ đi, ông T không biết về số nợ này. Từ những cơ sở nêu trên cho thấy không có cơ sở để buôc trách nhiệm ông T phải trả số tiền này cùng với bà L.

Đối với kháng cáo của bà L về yêu cầu xem xét lại quyền thừa kế của 02 con chung trong tài sản là nhà và đất này thì nhận thấy yêu cầu này của bà L là không đúng quy định pháp luật nên không đặt ra xem xét. Mặc khác, án sơ thẩm đã xem xét quyền lợi của bà và 02 con nên đã giao nhà và đất cho bà được sở hữu để đảm bảo về chổ ở ổn định cho bà và các con. Do vậy yêu cầu kháng cáo này của bà không có cơ sở để chấp nhận.

Xét yêu cầu kháng cáo bổ sung ngày 26.01.2021 bà L yêu cầu xem xét lại nhà và đất đang tranh chấp không phải của vợ chồng bà mà do cha mẹ ruột bà mua cho vợ chồng bà ở nhờ. Nhận thấy từ khi phát sinh tranh chấp bà L không hề nêu ra việc cha mẹ bà mua nhà và đất, đến khi tuyên án xong và khi bà kháng

cáo ngày 21.01.2021 bà cũng không nêu ra nội dung này. Đến khi kháng cáo ngày 26.01.2021 bà mới nêu ra và cung cấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15.5.2013 giữa bên bán Lê Tấn N và Huỳnh Thị Kim L, bên mua là Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị Kim Ba. Nhưng cũng chính bà L thừa nhận vào ngày 09.8.2013 giữa bà và ông T có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Ngoãn, bà Loan; Bà L cũng xác định là hợp đồng ngày 09.8.2013 đã thay thế và hủy bỏ hợp đồng ngày 15.5.2013 và cũng chính từ hợp đồng chuyên nhượng quyền sử dụng đất này ông bà đã lập thủ tục để được quyền sử dụng đất và nhà ở vào ngày 11.9.2013. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không bị bất kỳ một tranh chấp hay khiếu nại gì về việc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09.8.2013 và kể cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở này cũng không bị cơ quan chức năng thu hồi hay điều chỉnh gì. Do vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở ông bà đã được xác lập vẫn đang đảm bảo giá trị pháp lý. Từ đó cho thấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập ngày 15/5.2013 đã không còn giá trị nữa. Đối với việc bà L cho rằng ông bà chỉ ở nhờ nhà của cha ruột bà thì bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho việc ở nhờ, không có hợp đồng hay cam kết gì được lập giữa các bên, phía ông T không thừa nhận có việc ở nhờ. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo bổ sung này của bà L. Ngoài ra từ khi phát sinh tranh chấp bà L chỉ đồng ý hoàn lại cho ông T ½ giá trị nhà đất là 350.000.000 đồng, bà không có khả năng thói hoàn theo định giá. Tại phiên tòa ngày 19.5.2021 cấp phúc thẩm có tạo điều kiện để bà L xem có yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp hay không, và bà cho rằng giá cấp sơ thẩm đã định là quá cao nhưng bà L không yêu cầu thẩm định lại, bà cũng không khiếu nại gì với mức giá này, bà chỉ cho rằng mức giá này vượt quá khả năng của bà thôi. Do vậy không có cơ sở để cấp phúc thẩm xem xét lại giá trị tài sản đang tranh chấp.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu kháng cáo và kháng cáo bổ sung của bà L là chưa đủ căn cứ và không phù hợp với quy định pháp luật, nên cấp phúc thẩm không thể hỏa mãn yêu cầu kháng cáo của bà L.

Tuy nhiên cấp sơ thẩm có thiếu sót trong phần quyết định về thời gian cấp dưỡng nuôi con chung của ông bà, thiếu sót này cần rút kinh nghiệm và cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại phần này để đảm bảo việc thi hành án sau này.

Quan điểm của Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, không đặt ra xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 308 và Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Y án sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T.

Về chia tài sản chung: bà L được nhận nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 225/12/5B đường 30/4, phường Hưng lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP306176 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp ngày 11/9/2013). Bà L phải thanh toán phần giá trị chênh lệch cho ông T số tiền 997.973.500đ. Sau khi Bà L thanh toán phần giá trị chênh lệch cho ông T số tiền 997.973.500 đồng, bà L được quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc chia tài sản chung là hai xe mô tô hiệu honda, loại Airblade biển số 65L1-5316 và xe Honda nhãn hiệu SH mode biển số 65B1-68213.

Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Nguyễn Minh K sinh ngày 06/9/2012 và cháu Nguyễn Thị Mỹ N sinh ngày 06/12/2008 mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng là hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 12.01.2021.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L về việc buộc ông T trả số tiền 150.000.000đồng.

Về chi phí tố tụng: Ông T chịu 2.500.000đồng, bà L chịu 2.500.000đồng (Ông T đã nộp tạm ứng 5.000.000đồng, nên bà L có nghĩa vụ trả lại cho ông T số tiền 2.500.000đồng)

Về án phí: ông T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đồng và án phí chia tài sản chung là 41.939.205đồng, khấu trừ vào tiền án phí đã nộp là 9.562.500đồng, ông T phải nộp thêm số tiền 32.676.705đồng án phí. Bà L phải án phí chia tài sản chung là 41.939.205đồng và án phí phản tố không được chấp nhận là 7.500.000đồng, khấu trừ vào tiền án phí đã nộp là 4.050.000đồng, bà L phải nộp thêm số tiền 45.389.203đồng án phí.

Về án phí phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000đồng, chuyển số tiền 300.000đồng bà L đã nộp tạm ứng kháng cáo theo biên lai thu số 003631 ngày 26 tháng 01 năm 2021, do Chi cục Thi hành án quận Ninh Kiều đã thu sang thành án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THA.DS Q. Ninh Kiều;
- VKSND. TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Bùi Thị Cẩm Thúy**